

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2011

THÔNG TƯ

Quy định về phòng, chống tham nhũng trong ngành Thanh tra

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005;

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2004;

Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 và các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004 và 2005;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 65/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Thanh tra Chính phủ quy định về phòng, chống tham nhũng trong ngành Thanh tra như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các hoạt động khác của cơ quan thanh tra nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan thanh tra nhà nước và các đối tượng khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Cơ quan thanh tra nhà nước trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao phải chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi tham nhũng và tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Mọi hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật, vi phạm các quy định tại Thông tư này phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng danh nghĩa cơ quan thanh tra nhà nước để vụ lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong cơ quan thanh tra nhà nước

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ động, phối hợp với các cơ quan hữu quan ban hành hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy trình, quy chế đối với các hoạt động của mình. Quy trình, quy chế phải quy định rõ trình tự, thủ tục, thời gian tiến hành, phân định rõ trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện phù hợp với yêu cầu, đặc điểm từng hoạt động và cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện, xử lý vi phạm; định kỳ phải có đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ từng thời kỳ;

b) Công khai, minh bạch các hoạt động theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này;

c) Tiếp nhận, xử lý kịp thời đơn, thư, tin tâu giác, tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị mình;

d) Kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chủ động tổ chức, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý trực tiếp nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng;

c) Chấp hành và chịu sự đôn đốc, kiểm tra của Thủ trưởng cơ quan thanh tra cấp trên; thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Thủ trưởng cơ quan thanh tra cấp dưới về công tác phòng, chống tham nhũng và thực hiện các quy định tại Thông tư này;

d) Chịu trách nhiệm về việc để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan thanh tra nhà nước và các cá nhân có liên quan

a) Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; quy chế, quy trình công tác, nội quy của cơ quan và các quy định tại Thông tư này;

b) Chủ động phát hiện hành vi tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật khác; hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng khi có yêu cầu.

Chương II **PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG** **TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA**

Điều 5. Yêu cầu phòng, chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra

1. Kế hoạch thanh tra hàng năm phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ công tác của cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp; hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên; xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi, đối tượng, thời gian thực hiện và đảm bảo tính khả thi.

2. Tiến hành thanh tra phải đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, công khai, minh bạch, dân chủ; kết luận thanh tra, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra phải chính xác, khách quan, trung thực, kịp thời, đúng pháp luật; khi kết luận có sai phạm phải xác định rõ có hay không có dấu hiệu tham nhũng.

3. Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra phải công khai, khách quan, trung thực, góp phần đảm bảo hiệu lực các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra.

Điều 6. Công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra

1. Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử các quy định của pháp luật về thanh tra, chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm đã được phê duyệt ngay sau khi người có thẩm quyền ký, duyệt; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Thông báo bằng văn bản đến đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức liên quan hoặc công khai trên phương tiện thông tin đại chúng việc phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra, quyết định phân công thanh tra viên chuyên ngành hoạt động độc lập, quyết định phân công người giám sát đoàn thanh tra, quyết định thanh tra, kết luận thanh tra, quyết định xử lý sau thanh tra, báo cáo giám sát đoàn thanh tra ngay sau khi người có thẩm quyền ký, duyệt; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Kế hoạch tiến hành thanh tra, phân công nhiệm vụ thành viên Đoàn thanh tra, báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả thanh tra và các văn bản chỉ đạo, bổ sung, thay thế khác phải công khai trong Đoàn thanh tra và người được giao nhiệm vụ giám sát Đoàn thanh tra.

Điều 7. Lưu trữ tài liệu thanh tra

Toàn bộ thông tin, dữ liệu, tài liệu trong quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá và các tài liệu khác để xây dựng, trình, duyệt kế hoạch thanh tra, báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra, tài liệu đôn đốc, kiểm tra thực hiện kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra phải được lập, lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 8. Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra

1. Lợi dụng vị trí công tác can thiệp vào việc xây dựng kế hoạch thanh tra, tiến hành thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra để vụ lợi.
2. Lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ được giao đưa nội dung không cần thanh tra hoặc không đưa những nội dung cần thanh tra vào phạm vi thanh tra.
3. Quyết định thanh tra trái thẩm quyền, thanh tra vượt quá phạm vi, nội dung ghi trong quyết định thanh tra.
4. Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, thủ trưởng cơ quan, đơn vị để giải quyết công việc của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra.
5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, những nhiễu với đối tượng thanh tra, đơn vị, cá nhân có liên quan.
6. Làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình thanh tra, báo cáo sai sự thật, kết luận sai sự thật, quyết định xử lý trái pháp luật, bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật.
7. Tiết lộ, cung cấp thông tin, tài liệu về kế hoạch thanh tra khi chưa được phê duyệt, nội dung kết luận thanh tra khi chưa được người có thẩm quyền ký, duyệt.
8. Các hành vi khác bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật.

Chương III

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG HOẠT ĐỘNG GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 9. Yêu cầu phòng, chống tham nhũng trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Đơn, thư khiếu nại, tố cáo và tin phản ánh từ các nguồn đến cơ quan thanh tra nhà nước phải được tiếp nhận, xử lý kịp thời, lập hồ sơ, ghi sổ theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tiến hành xác minh phải đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, kịp thời, thận trọng, chính xác, khách quan, trung thực; tài liệu xác minh phải được lập thành hồ sơ.

3. Báo cáo kết quả xác minh phải được xây dựng công khai, dân chủ; nội dung phải trung thực, khách quan, toàn diện.

4. Kết luận, kiến nghị giải quyết phải đúng nội dung, đúng đối tượng, có căn cứ pháp luật và khả thi; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo vệ người tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Việc xác minh, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo thông qua Đoàn thanh tra thực hiện theo các quy định đối với hoạt động thanh tra.

Điều 10. Công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Công khai, minh bạch trong giải quyết khiếu nại

a) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử các quy định của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại; phân công chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại; quyết định giải quyết khiếu nại; kết quả thực hiện các kiến nghị, quyết định giải quyết khiếu nại ngay sau khi người có thẩm quyền ký, duyệt;

b) Thông báo bằng văn bản đến người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc công khai trên phương tiện thông tin đại chúng thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại; quyết định xác minh khiếu nại; báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại; kết luận giải quyết khiếu nại; các văn bản chỉ đạo giải quyết khiếu nại ngay sau khi người có thẩm quyền ký, duyệt; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Công khai, minh bạch trong giải quyết tố cáo

a) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử quy định của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo, phân công chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, xử lý đơn, thư, tin tố cáo ngay sau khi người có thẩm quyền ký, duyệt;

b) Thông báo bằng văn bản đến người tố cáo; người bị tố cáo; cơ quan, tổ chức có liên quan văn bản thông báo thụ lý giải quyết tố cáo, quyết định xác minh nội dung tố cáo, báo cáo kết quả xác minh, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo, kết quả thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý tố cáo theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Điều 11. Lưu trữ tài liệu giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thông tin, dữ liệu, tài liệu về chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ trong tiếp nhận, phân loại, xử lý, xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo phải được lập và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Những nhiễu, cản trở việc thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo.
2. Trì hoãn việc ra quyết định thụ lý giải quyết, xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo.
3. Làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo; báo cáo kết quả xác minh không đúng sự thật.
4. Kết luận, kiến nghị ra quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo trái pháp luật.
5. Bao che cho người bị tố cáo, người bị khiếu nại; tiết lộ thông tin về người tố cáo.
6. Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, thủ trưởng cơ quan, đơn vị để giải quyết công việc của cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo.
7. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Điều 13. Yêu cầu phòng, chống tham nhũng trong hoạt động phòng, chống tham nhũng

1. Năm tình hình phải có chương trình, kế hoạch được phê duyệt; thông tin, tài liệu thu thập, báo cáo phải được lập thành hồ sơ theo quy định.
2. Xây dựng, quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng phải khoa học, khách quan, trung thực, đúng mục đích, đúng đối tượng; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý, khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu phòng, chống tham nhũng.
3. Xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung, thời hạn; kết quả xác minh đảm bảo khách quan, trung thực; báo cáo, cung cấp kết quả xác minh đúng quy định của pháp luật.

4. Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng phải đảm bảo xác thực, khách quan và kịp thời.

5. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng; thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thực hiện theo quy định đối với hoạt động thanh tra.

6. Giải quyết tố cáo trong hoạt động phòng, chống tham nhũng thực hiện theo quy định giải quyết tố cáo.

Điều 14. Công khai, minh bạch trong hoạt động phòng, chống tham nhũng

1. Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử các quy định của pháp luật, các chương trình, kế hoạch, đề án về phòng, chống tham nhũng, báo cáo phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về phân công chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng; văn bản chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng sau khi người có thẩm quyền ký, duyệt; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 15. Lưu trữ tài liệu phòng, chống tham nhũng

Thông tin, dữ liệu, tài liệu về chỉ đạo, thực hiện chương trình, kế hoạch nắm tình hình tham nhũng; tài liệu xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; tài liệu phối hợp giữa các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng; báo cáo về phòng, chống tham nhũng phải được lập và lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 16. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động phòng, chống tham nhũng

1. Những hành vi quy định tại Điều 8 Thông tư này khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Những hành vi quy định tại Điều 12 Thông tư này khi thực hiện nhiệm vụ giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng.

3. Làm mất hồ sơ, sai lệch hồ sơ, thông tin, tài liệu trong quá trình thu thập, quản lý hồ sơ, dữ liệu về phòng, chống tham nhũng.

4. Báo cáo không trung thực, không kịp thời trong việc thực hiện chế độ báo cáo về phòng, chống tham nhũng.

5. Lợi dụng việc phòng, chống tham nhũng gây rối, làm mất đoàn kết nội bộ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự cá nhân, uy tín của cơ quan, tổ chức; thông tin

không trung thực, tiết lộ trái pháp luật thông tin về tài sản, thu nhập của người được xác minh.

6. Cản trở quá trình giải quyết các vụ việc tham nhũng.

7. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương V

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Mục 1

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC - CÁN BỘ

Điều 17. Yêu cầu phòng, chống tham nhũng trong công tác tổ chức - cán bộ

1. Công tác tổ chức cán bộ phải công khai, minh bạch, khách quan, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Tiêu chuẩn từng chức danh phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng vị trí công tác về phẩm chất chính trị, chuyên môn quản lý, kỹ thuật và trình độ nghiệp vụ; chế độ, định mức đãi ngộ đối với từng loại chức danh phù hợp với quy định chung và điều kiện cụ thể từng ngành, địa phương.

3. Thực hiện nghiêm các tiêu chuẩn, chế độ, quy trình, quy chế về quy hoạch, kế hoạch, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, điều động luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái, nhận xét, đánh giá cán bộ, phân bổ chỉ tiêu biên chế, giải quyết chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở phân công, phân cấp rõ ràng.

Điều 18. Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức - cán bộ

1. Công khai bằng hình thức phát hành ấn phẩm, thông báo bằng văn bản trong cơ quan, đơn vị chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy trình, quy chế của cơ quan về công tác tổ chức - cán bộ.

2. Công khai việc tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức

Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng phù hợp với đối tượng dự tuyển và niêm yết tại trụ sở cơ quan:

a) Chậm nhất là 15 ngày làm việc đối với số lượng, tiêu chuẩn, hình thức, thời gian tuyển dụng, sau khi kế hoạch tuyển dụng được phê duyệt;

b) Chậm nhất là 03 ngày làm việc đối với kết quả sơ tuyển, sát hạch, thi, kết quả tuyển dụng được phê duyệt.

3. Công khai quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động, khen thưởng

a) Công khai dưới hình thức thông báo bằng văn bản trong cơ quan quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn về đào tạo, bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động đối với cán bộ, công chức, viên chức sau khi được phê duyệt;

b) Niêm yết tại cơ quan và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị trực thuộc danh sách ứng viên, danh sách người được lựa chọn đào tạo, bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, điều động, khen thưởng.

4. Thông báo bằng văn bản trong cơ quan, đơn vị quyết định đình chỉ công tác, đình chỉ chức vụ, cho thôi việc, thôi giữ chức vụ, kỷ luật, hưu trí đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khác.

Điều 19. Các hành vi bị nghiêm cấm trong công tác tổ chức - cán bộ

1. Hối lộ, nhận hối lộ hoặc gợi ý nhận hối lộ dưới mọi hình thức.

2. Nhận xét, đánh giá cán bộ không có căn cứ, thiếu trung thực, không khách quan.

3. Tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động không đúng quy trình; quy hoạch, đào tạo, khen thưởng người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Điều động, cho thôi việc, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, kỷ luật, giải quyết chế độ chính sách không đúng quy định.

5. Làm sai lệch tài liệu, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác can thiệp trái pháp luật vào việc tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, điều động và các hoạt động khác trong công tác tổ chức - cán bộ.

7. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật trong công tác tổ chức - cán bộ.

Mục 2

PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, CÔNG TÁC XÂY DỰNG THỂ CHẾ, ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG VÀ ĐỐI NGOẠI

Điều 20. Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động khoa học - công nghệ

1. Yêu cầu phòng, chống tham nhũng trong hoạt động khoa học - công nghệ

Việc xét, tuyển chọn, giao đề tài, đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu, phân bổ ngân sách cho các đề tài nghiên cứu phải đảm bảo đúng quy định pháp luật về nghiên cứu khoa học.

2. Công khai, minh bạch trong hoạt động khoa học - công nghệ

a) Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử các quy định pháp luật, quy trình, quy chế, định mức của ngành về quản lý nghiên cứu khoa học, kế hoạch nghiên cứu, danh mục đề tài và kết quả nghiên cứu được nghiệm thu;

b) Công khai trong cơ quan việc quản lý, sử dụng ngân sách, các khoản hỗ trợ, viện trợ, đầu tư, các khoản thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động khoa học - công nghệ

a) Lợi dụng việc xét, tuyển chọn, giao, đánh giá, nghiệm thu, phân bổ, cấp và quyết toán kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu để vụ lợi;

b) Gian dối trong khảo sát, sử dụng tài liệu, tổ chức hội nghị, hội thảo, thuê chuyên gia trong hoạt động khoa học - công nghệ.

Điều 21. Phòng, chống tham nhũng trong công tác xây dựng thể chế

1. Việc xây dựng, kiểm tra, thẩm định, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phải đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Công khai trong cơ quan quy trình, kế hoạch, kết quả xây dựng, kiểm tra, thẩm định, tuyên truyền pháp luật.

3. Nghiêm cấm xây dựng, ban hành văn bản quy định trái pháp luật; lợi dụng kiểm tra, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng, tuyên truyền pháp luật để vụ lợi.

Điều 22. Phòng, chống tham nhũng trong đào tạo, bồi dưỡng

1. Tiêu chuẩn, điều kiện về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, văn bằng, chứng chỉ phải đúng quy định pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ của ngành thanh tra.

2. Quy trình, quy chế tuyển sinh, quản lý đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả, cấp văn bằng chứng chỉ phải phù hợp với quy định pháp luật về quản lý đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn, điều kiện của ngành thanh tra.

3. Công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc đưa lên trang thông tin điện tử, phát hành ấn phẩm quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng, tiêu chuẩn, quy trình, quy chế, chương trình đào tạo, bồi dưỡng của ngành. Thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, đơn vị kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Công khai tại cơ sở đào tạo việc thu, quản lý, sử dụng học phí, lệ phí tuyển sinh,

các khoản thu từ hoạt động tư vấn, các khoản hỗ trợ, viện trợ đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đào tạo, bồi dưỡng

- a) Lợi dụng xét, phân bổ chỉ tiêu đào tạo, kiểm tra, đánh giá, cấp văn bằng chứng chỉ để vụ lợi;
- b) Gian dối trong lập hồ sơ đào tạo, bài thi, kiểm tra, đề án, tiểu luận;
- c) Thu phí, lệ phí và các khoản thu khác trong đào tạo, bồi dưỡng trái quy định.

Điều 23. Phòng, chống tham nhũng trong hoạt động đối ngoại

1. Chương trình, kế hoạch đối ngoại phải đảm bảo các nguyên tắc về hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phù hợp với chiến lược phát triển của ngành; điều kiện, tiêu chuẩn nhân sự thực hiện nhiệm vụ đối ngoại phải phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu riêng của từng chương trình hợp tác.

2. Công khai dưới hình thức thông báo bằng văn bản trong cơ quan, đơn vị chương trình, kế hoạch đối ngoại hàng năm, thỏa thuận hợp tác quốc tế, kết quả hợp tác, danh sách đoàn ra, đoàn vào khi người có thẩm quyền cho phép.

3. Nghiêm cấm việc lợi dụng hoạt động đối ngoại để vận động đối tác nước ngoài tổ chức các đoàn ra, đoàn vào để vụ lợi.

Mục 3

**PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
TRONG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN**

Điều 24. Công khai tài chính, tài sản trong cơ quan, đơn vị

Các đơn vị, tổ chức, các đoàn, tổ công tác trong cơ quan thanh tra nhà nước phải công khai theo quy định của pháp luật nội dung sau:

1. Chính sách quản lý tài chính, chế độ, định mức, tiêu chuẩn do Nhà nước quy định; quy chế quản lý, chế độ, định mức, tiêu chuẩn sử dụng nguồn kinh phí, tài sản của cơ quan, đơn vị.

2. Kế hoạch tài chính, dự toán, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính hằng năm.

3. Tổng mức đầu tư, tổng dự toán, kế hoạch vốn đầu tư, báo cáo đầu tư, quyết toán vốn đầu tư, mua sắm.

4. Báo cáo thu, quản lý, sử dụng các khoản đóng góp, hỗ trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân (nếu có).

5. Danh mục tài sản hiện có theo các nguồn hình thành; báo cáo sử dụng, báo cáo thanh lý các loại tài sản.

Điều 25. Thực hiện quy định quản lý tài chính, tài sản

Các đơn vị, tổ chức, đoàn, tổ công tác trong cơ quan thanh tra nhà nước phải thực hiện đúng, đủ, kịp thời:

1. Chế độ, tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước quy định.
2. Quy chế quản lý tài chính, tài sản của cơ quan, đơn vị.
3. Chế độ kế toán, thống kê, thanh tra, kiểm toán.
4. Chế độ công khai tài chính.

Điều 26. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Quy chế quản lý tài chính, tài sản của cơ quan, đơn vị phải được xây dựng công khai, minh bạch, dân chủ trong cơ quan, đơn vị.

2. Báo cáo quyết toán vốn, kinh phí hàng năm; quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, báo cáo sử dụng vốn hỗ trợ, viện trợ phải được kiểm toán; báo cáo quyết toán, báo cáo kiểm toán phải công khai trong cơ quan, đơn vị.

3. Thanh tra nhân dân phải giám sát thường xuyên; người đứng đầu cơ quan thanh tra nhà nước định kỳ tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định quản lý tài chính, tài sản, chế độ thống kê, kế toán, kiểm toán, quy định công khai tài chính; báo cáo giám sát, kết luận thanh tra phải được công khai trong cơ quan, đơn vị.

Điều 27. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý tài chính, tài sản

1. Quy định các khoản thu, lập, sử dụng quỹ trái pháp luật.
2. Thực hiện không đúng chế độ kế toán, thống kê.
3. Thu, chi, mua sắm, sử dụng sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước.
4. Lợi dụng phân bổ, cấp phát vốn, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản, kiểm tra, thanh toán, quyết toán để vụ lợi.
5. Gian dối trong lập hồ sơ thanh toán, quyết toán sử dụng kinh phí, mua sắm tài sản, vật tư, chi phí công tác, chi phí đề tài, đề án, dự án và các khoản chi phí khác.
6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật trong quản lý tài chính, tài sản.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2011.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này;

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung. / *h*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPBCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các ban của TW Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban giám sát Tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các Đoàn thể;
- Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng TTĐT của TTCP; Công báo;
- Các cục, vụ, đơn vị thuộc TTCP;
- Lưu: Văn thư, Cục IV(6b). *h*



Trần Văn Truyền